

NHẬN DIỆN LOẠI HÌNH TÁC GIẢ NHÂN TẢN TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

LÊ VĂN TẤN^(*)

Loại hình tác giả nhân tản trong văn học trung đại Việt Nam bao gồm những tác giả có sáng tác thơ văn thể hiện cảm hứng nhân tản, hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIII và trải dài từ đó đến hết thế kỷ XIX. Họ có thể là các thiền sư, tướng lĩnh, vua chúa và nhà nho. Sự lựa chọn cuộc đời của họ có thể có nhiều điểm khác biệt, ở vào những tình huống khác nhau của xã hội song cảm hứng nhân tản là điểm gặp gỡ đầy thú vị giữa những tác giả này. Bài viết bàn về hai nhóm chính: tác giả thiền sư nhân tản và tác giả nhà nho nhân tản.

1. Loại hình tác giả thiền sư nhân tản

Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIV, Phật giáo giữ vị trí là quốc giáo. Phật giáo coi cuộc đời là bể khổ. Cái khổ của chúng sinh vừa do những nguyên nhân khách quan, vừa do những nguyên nhân chủ quan mang lại. Muốn thoát khỏi bể khổ, Phật giáo khuyên con người ta phải tìm cách thoát khỏi sự *vô minh* (vì vô minh nên con người ta từ khi sinh ra đều tìm mọi cách để níu kéo cái vô thường như: *danh vọng, địa vị, tiền bạc, sự nghiệp, tuổi thọ...*). Một trong những phương cách giải phóng vô minh chính là coi thường danh lợi, sống an bản lạc

đạo. Hơn nữa, Phật giáo Thiền tông quan niệm về *niết bàn* không gì cao xa, viễn vông mà nằm ngay trong chính cá nhân người tiếp nhận. Để đạt được niết bàn, theo quan niệm của các thiền sư, cần sống thuận theo tự nhiên, hoà nhập vào thiên nhiên thuần khiết, sống an nhiên, tự tại và hướng đến những vẻ đẹp siêu việt giữa đời thực, tránh xa tất cả mọi sự ràng buộc, hướng đến cái đẹp của tâm cảnh siêu việt, cái đẹp của nhậm vận tùy duyên, cái đẹp ở ngoài cõi, ngoài phương...

Trong giai đoạn này, tình hình lịch sử - xã hội và tư tưởng - văn hoá Việt Nam khá cởi mở. Một mặt, chính thể đương thời khuyến khích các thiền sư tham gia chính sự; mặt khác, vẫn cho phép họ tùy cơ ứng biến, tự do lựa chọn con đường của cá nhân. Đó chính là điều kiện để các thiền sư quan tâm hơn đến bản ngã. Họ có thể tự cho phép mình được lui về sơn khê nghiên cứu thiên học, sống nhân tản điền viên, hoà nhập với thiên nhiên thuần khiết.

Trên thực tế, hầu hết các thiền sư Việt Nam đều hấp thụ sở học của Nho gia. Lý thuyết Nho gia vốn khá linh

(*) TS., Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hoạt, “dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng”, một mặt đề cao con đường khoa cử, hoạn lộ; mặt khác, vẫn mở một lối ngõ cho thiên sư về trí sĩ khi tình hình thời thế bất như ý để cá nhân được giải phóng, được tự do. Thêm vào đó, tư tưởng vô vi, tiêu dao nhàn tản, giải phóng những ràng buộc xã hội, hoà nhập vào thiên nhiên của Đạo gia cũng có những ảnh hưởng nhất định tới loại hình tác giả này.

Đội ngũ tác giả thiên sư nhàn tản khá đông đảo, có thể nhắc tới như: Nguyễn Văn Hạnh, Không Lộ, Viên Chiếu, Mãn Giác, Tuệ Trung thượng sĩ Trần Tung, Trần Nhân Tông, Trần Quang Triều, Huyền Quang... Trong đó, ba tác giả tiêu biểu là Trần Tung, Trần Nhân Tông và Trần Quang Triều. Cuộc đời và sự nghiệp của ba thiên sư này tuy khác nhau, song ở họ có sự gặp gỡ khá lý thú: tại những thời điểm thích hợp, họ chối từ danh lợi và địa vị cao sang để hướng đến một cuộc sống nhàn tản, thích chí, được tự do, cuồng phóng và bay bổng, hoà nhập vào thiên nhiên. Họ coi thiên nhiên là vật báu mà con người do vô minh đã lãng quên hoặc không nhận ra: “*Thiên địa diếu vọng hê hà mang mang/Trượng sách ưu du hê phương ngoại phương/Hoặc cao cao hê vân chi sơn/Hoặc thâm thâm hê thuỷ chi dương/Cơ tắc san hê hoà la phạn/Khôn tắc miên hê hà hữu hương/Hững thời xuy hê vô khổng địch/Tĩnh xư phân hê giải thoát hương/Quyện tiểu phạ hê hoan hỉ địa/Khát bão xuyết hê tiêu dao thang/Quy sơn tác làn hê mục thuỷ cổ/Tạ Tam đồng chu hê ca Thương lương/Phổng Tào Khê hê ấp Lư thị/Yết Thạch Đầu hê sài Lão Bàng... - Phóng cuồng ngâm*” (Ngắm trông trời đất thật là mệnh mang/ Chống gây nhón nhơ

ngoài thế gian/ Hoặc đến chỗ núi mây cao cao/ Hoặc đến chỗ biển nước sâu sâu/ Đói thì ăn cơm hoà la/ Mệt thì ngủ không có làng/ Khi hứng thì thổi sáo không lỗ/ Nơi yên tĩnh thấp hương giải thoát/ Mệt thì tạm nghỉ ở đất hoan hỉ/ Khát thì uống no thang tiêu dao/ Láng giềng với Quy Sơn đi chăn trâu nước/ Cùng thuyền với Tạ Tam hát khúc Thương lương/ Hỏi thăm đến suối Tào Khê vái chào Lư Thị/ Yết kiến Thạch Đầu sáng cùng Lão Bàng... - *Bài ngâm cuồng phóng* - Trần Tung) (Nguyễn Huệ Chi, 1988, tr.104-105).

Thiên nhiên trong thơ của họ hiện lên như những bức tranh, ngưng đọng trong khoảnh khắc mà vĩnh hằng, bất biến. Từ trong thiên nhiên như thế, thiên sư càng nhận rõ hơn về cái hư ảo của cuộc đời - điều khiến cho họ càng quyết liệt trong việc hướng đến lối sống, tư tưởng tự do: “*Nam quốc na kham nhập họa đồ/ Tân An trì quán trưởng cô bồ/ Niên niên lãnh lãm nhân phong nguyệt/ Trúc ngoại nhất thanh đề giá cô - Đề Liêu Nguyên Long tống họa cảnh phỉn*” (Phong cảnh nước Nam khó có thể đưa vào tranh vẽ/ Trong ao bên quán Tân An cỏ năn, cỏ lác mọc/ Hằng năm thâu lượm cảnh trăng gió thanh thoi/ Ngoài rặng trúc, một tiếng chim kêu - *Đề chiếc quạt vẽ phong cảnh do Liêu Nguyên Long tặng* - Trần Quang Triều) (Nguyễn Huệ Chi, 1988, tr.611). Từ đó mà thiên sư đã thực sự tìm được sự nhàn nhã, thích thẳng của tâm hồn khi hòa lòng mình vào thiên nhiên: “*Dương liễu hoa thâm diểu ngữ trì/ Họa đường thiêm ảnh mộ vân phi/ Khách lai bất vấn nhân gian sự/ Cộng ý lan can khán thúy vi - Xuân cảnh*” (Trong khóm hoa dương liễu rậm, chim hót chậm rãi/ Dưới bóng thêm ngôi nhà chạm vẽ, mây chiều lướt bay/ Khách đến chơi không

hỏi việc đời/ Cùng đứng tựa lan can ngắm màu xanh mờ mật ở chân trời - *Cảnh xuân* - Trần Nhân Tông) (Nguyễn Huệ Chi, 1988, tr.460).

Với thiên sư, lối sống tự do, thích chí, nhàn tản, hoà nhập vào thiên nhiên, bỏ ngoài mình danh lợi, phù hoa để hướng đến một thế giới siêu việt, thuần khiết, chẳng bận chút bụi trần... là một lối sống, một triết lý sống cao đẹp. Lối sống ấy không những để lại những dư ba đối với các loại hình tác giả khác thời trung đại mà còn phảng phất dấu vết đối với một số tác giả đầu thế kỷ XX.

2. Loại hình tác giả nhà nho nhàn tản

Tác giả nhà nho nhàn tản xuất hiện khoảng từ thế kỷ XIV cho đến hết thế kỷ XIX. Nếu như một trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho tác giả nhà nho tìm đường ẩn dật là *bất đắc chí* với chính thể đương thời hoặc tình hình xã hội, triều đại không phù hợp với lý tưởng hành đạo của họ (trường hợp của Nguyễn Trãi, Nguyễn Hăng, Nguyễn Dữ, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Khuyến...), thì ở tác giả nhà nho nhàn tản, nguyên nhân họ hướng đến cuộc sống *nhàn* có vẻ như đơn giản hơn, nhẹ nhàng hơn, bởi đôi khi đó chỉ là những khoảnh khắc nhàn rỗi. Một mặt, bản thân họ là những người đã tiếp thu linh hoạt tinh thần của Nho gia; tư tưởng thoát ly cõi tục, vô vi, giải phóng khỏi những ràng buộc xã hội của Đạo gia, gần gũi, hoà nhập với thiên nhiên của Phật giáo. Mặt khác, tùy vào từng thời điểm lịch sử và cá nhân mỗi tác giả mà họ tìm tới cuộc sống nhàn tản ở những thời điểm phù hợp nhất. Điều này được bàn đến cụ thể ở từng tiểu loại tác giả nhà nho nhàn tản dưới đây.

Những tác giả nhàn tản khi rảnh rỗi việc quan và khi về hưu quan

Đội ngũ loại hình tác giả này chiếm đông đảo nhất trong lịch sử văn chương Việt Nam thời trung đại. Vốn là những người yêu mến thiên nhiên, cảnh vật nên bất kể khi nào rảnh rỗi việc quan là họ tìm đến thiên nhiên để giải trí, tiêu sầu, giúp cho tâm hồn thư thái, giải phóng những ưu tư, lo lắng, mệt mỏi. Hơn nữa, trên thực tế, chỉ có số ít những tác giả có quê hương (nguyên quán) tại Thăng Long - Hà Nội hay Huế; còn lại hầu hết họ đều xuất thân từ một miền quê nào đó. Chính vì thế, như một lẽ tất nhiên, sau những năm tháng làm quan, thân mỗi tâm mệt, họ đã tìm đường về quê sống vui thú điền viên, nhàn tản lúc tuổi già. Đây là lúc họ được sống cho riêng mình, tự do, thích chí, hoà nhập với cuộc sống của người nông thôn. Những tác giả tiêu biểu có thể kể tới như: Phạm Sư Mạnh, Vũ Mộng Nguyên, Nguyễn Thời Trung, Trần Khả, Trần Cảnh, Phạm Nhữ Dực, Nguyễn Quý Đức, Đoàn Nguyễn Tuấn, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Du, Nguyễn Hành, Phan Huy Ích...

Với những tác giả khi còn tại chức, họ đã tận dụng tối đa thời gian rảnh rỗi để hướng lòng mình tới thiên nhiên: *"Nhất thủy doanh doanh cách thế trần/Tiểu kiêu ổn trước hảo tâm xuân.../Nhân gian thử cảnh thủy miêu đắc/Tá dũ thi ông vị tả chân - Tầm Mai kiêu ngoạn nguyệt"* (Dòng nước láng láng cách biệt cõi đời/ Chiếc cầu nhỏ vững vàng, tiện cho việc tìm thú chơi xuân.../ Cảnh này, người đời ai vẽ được/ Hãy cho nhà thơ mượn để miêu tả chân thực - *Chơi trăng trên cầu Tầm Mai* - Phạm Nhữ Dực) (Nhiều tác giả, 1978, tr.543).

Và khi được lùi xa cuộc sống quan trường, nho sĩ nhận thức và cảm nhận

sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về cái khổ của kẻ làm quan: “*Quan đắc lộ thời kinh hạo thủ/Học cùng lý xứ tích thanh xuân/Khách hoài quai lệ đa như thử/Hà sự đồ lao bách tuế thân?* - *Bất như ý*” (Làm quan khi gặp thời lại sợ tóc bạc/ Học đến chỗ thấu mọi nhẽ lại tiếc tuổi xuân/ Khách cứ băn khoăn nhiều về những điều trái ngược như thế/ Tội gì dày dọa tấm thân trăm năm của mình - *Chẳng như ý* - Trần Khả) (Trần Thị Băng Thanh, 2006, tr.288).

Họ tranh thủ tối đa thời gian rảnh rỗi của mình để tận hưởng sự nhàn tản, để cho tâm hồn được thư thái. Từ đây, trong tiếng thơ của những tác giả này hiện lên hình tượng của một con người sống hoà nhập vào thiên nhiên, cuộc sống nơi thôn dã. Họ nhìn thấy vẻ đẹp thuần khiết ở thiên nhiên và gửi lòng mình vào đó như một sự ký thác cho chính nỗi ưu tư trong lòng họ bấy lâu: “*Nhất hàng bạch lộ lai hàn chủ/Thiên lý quy phàm lạc văn cơ/Nhật nhập thụ phong khai họa chương/Yên lung hồng thụ triển la duy/Anh hùng dĩ luy hào hoa tận/Duy hữu Nam sơn bất chuyển di* - *Văn vọng*” (Cò trắng một hàng từ bãi xa bay tới/ Thuyền buồm muôn dặm chiều về đang cập bến/ Mặt trời vào núi xanh như mở ra một bức trướng vẽ/ Khói lồng rặng cây màu hồng như buông xuống một chiếc màn the/ Cũng vậy, anh hùng đến lúc cũng sẽ hết ngón hào hoa của mình/ Chỉ có núi phương Nam mới không bao giờ xê dịch - *Ngắm cảnh chiều* - Vũ Mộng Nguyên) (Bùi Văn Nguyên, 1995, tr.306). Hay: “*Tri khoan tiên đắc nguyệt/Động cổ tảo tri thu/Điều khước ba gian túc/Ngư phiên mộc mạc du...* - *Đề Hương Hải am*” (Ao rộng, trăng mộc là thấy trước/ Động xưa, thu tới được biết nhanh/ Chim như nằm dưới làn sóng/ Cá như lượn trên

ngọn cây... - *Đề am Hương Hải* - Nguyễn Thời Trung) (Trần Thị Băng Thanh, 2004, tr.285).

Đó cũng là lúc họ được dưỡng nhàn, được vui thú với cảnh cũ điển viên mà trước đây do bận bịu việc quan nên chưa có dịp thưởng thức: “*Dưỡng nhàn quê tiện góc bên tây/Phen học hiền xưa thú lạc tây/Cảnh cũ mường vui vùn luống cúc/Hơi dương mừng thấy rạng vườn tây* - *Dưỡng nhàn* - Nguyễn Quý Đức) (Bùi Duy Tân, 1997, tr.239).

Đặc biệt cảm động với những tác giả mà niềm khắc khoải ngóng về quê cũ, làng cũ với đồng ruộng trong hình ảnh của người thân áo tôi nón lá đã mãi mãi chỉ còn là niềm mơ ước. Một số người không có cơ hội để trở về: “*Bệnh thừa ân chiếu hứa lưu kinh/Quy kế Sơn Tây nhất vị thành/Hà nhật Sơn Tây sơn hạ lộ/Thoa y, tiểu lập khán xuân canh?* - *Ngẫu thành*” (Bởi nhà vua cho lưu lại ở kinh thành để dưỡng bệnh/ Nên việc xin về quê đến nay cũng chưa thành/ Không biết ngày nào thì đứng ở bên đường Sơn Tây/ Mang tôi đội nón đứng xem cày dưới trời xuân? - *Ngẫu nhiên có thơ* - Nguyễn Trục) (Trần Thị Băng Thanh, 2004, tr.304).

Nhìn chung, nhàn tản để hoà nhập với thiên nhiên và cuộc sống đời thường, thôn xóm như là một nhu cầu, một niềm vui tự thân ở các thi sĩ - quan lại hay những quan lại mang tâm hồn thi sĩ. Vì lẽ đó, bất kể khi nào có thời gian, ngay khi đang tại chức hay khi về hưu quan là họ thể hiện niềm vui này trong sáng tác của mình.

*Những tác giả nhàn tản khi ẩn
nhẫn để chờ thời*

Những nho sĩ ẩn nhẫn để chờ thời xác lập trên tư cách của *nho sĩ* - hành

đạo rất tiêu biểu. Họ là những người có chí hành đạo khá sục sôi. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải thời gian nào và không gian nào cũng cho phép họ có thể nhập cuộc thuận lợi được. Chính vì vậy, khi thời thế chưa chín muồi, họ tạm tìm đường *ẩn nhẫn để chờ thời*. Khi điều kiện khách quan rộng mở, họ sẽ ra thi thố tài năng và được chính thể đương thời sung ngay vào bộ máy quan lại, với những vị trí quan trọng. Từ đây, họ có cơ hội thể hiện năng lực của mình với triều đại và cũng từ bỏ cuộc sống nhàn tản trước đó.

Trong thời gian ẩn nhẫn để chờ thời, nho sĩ tìm đến một không gian an toàn để tránh “tai mắt” của chế độ. Đó là một không gian xa chốn thị thành, gần với thiên nhiên, thôn dã. Tác giả tiêu biểu là Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thị Trung, Phùng Khắc Khoan, Đào Duy Từ, Nguyễn Du...

Ở những nho sĩ như Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thị Trung, Nguyễn Du..., tính chất ẩn nhẫn chờ thời không mạnh mẽ như Phùng Khắc Khoan hay Đào Duy Từ. Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Thị Trung đều tìm đường ẩn nhẫn để bảo toàn tấm thân khi quân Minh sang xâm lược nước ta. Còn ở Nguyễn Du thì tính chất của kẻ sĩ chạy loạn, lẩn tránh sự truy sát của chính thể mới với một cựu thần của vương triều cũ mạnh hơn là tính chất ẩn nhẫn chờ thời. Tất nhiên, khi điều kiện phù hợp, họ sẽ quay trở ra giúp chính thể mới để đi trọn vẹn hết con đường của một nho sĩ thông thường (*học - thi cử - nếu đỗ đạt - làm quan - về hưu sống nhàn tản*), nhưng đường như trong lòng họ, khát vọng công danh không quá sục sôi, cháy bỏng. Với họ, sự hưng phế, thắng bại của các triều đại chưa phải là sự bận

tâm lớn: “*Thung mọc mai hà xuân thảo lục / Độc lâu khiêu nguyệt dạ triều hàn / Ngư Chu na quản hưng vong sự / Tuý ngọa bông song quải điếu can - Hàm Tử quan*” (Chông gỗ nay đã chìm đây sông trên bờ chỉ có cỏ xanh biếc/ Nghe như đầu lâu gào đêm trăng qua làn sóng lạnh ban đêm/ Ông chài chẳng chú ý đến việc còn mất của các triều đại/ Bên mái bông, gác cần câu đánh giấc say sưa - *Cửa Hàm Tử* - Nguyễn Mộng Tuân) (Trần Thị Băng Thanh, 2004, tr.192).

Họ là những nho sĩ mà ngay khi tại chức đã hát vang khúc “về đi thôi”: “*Thanh nhàn mặc nhược ca quy khứ / Phú quý tòng tư phó thẳng lai / Hoài lộc khu khu chân khả tiểu / Trường nguyên hưu đãi tử cung hài - Hoài lộc*” (Muốn thanh nhàn chẳng gì bằng hát khúc “Về đi thôi”/ Cảnh giàu sang từ đây phó mặc tự nhiên/ Cứ khứ khứ ôm lấy tước lộc thật đáng nực cười/ Không kéo dài nguồn lộc, đợi vua ban cả giày dép cho nữa - *Ôm tước lộc* - Nguyễn Mộng Tuân) (Bùi Văn Nguyên, 1995).

Một khi đã ra làm quan mà lại bàng quan với chính sự như thế thì hẳn một ngày không xa họ sẽ xin từ chức (tiêu biểu như Nguyễn Du, trong thời gian làm quan cho nhà Nguyễn, có đến bốn lần ông xin về quê an trí tuổi già). Thơ ca của họ lúc này, có một bộ phận hướng đến thể hiện nỗi niềm khắc khoải nhớ quê hương, tuyện ca cuộc sống nhàn tản, cũng như niềm mong ước được hoà nhập cùng lâm tuyền sơn khê: “*Thiên Thai sơn tại đế thành đông / Cách nhất điều giang tự bất thông / Cổ tự thu mai hoàng diệp lý / Tiên triều tăng lão bạch vân trung / Khả lân bạch phát cung khu dịch / Bất dữ thanh sơn tương thuý chung / Ký đắc niên tiền tăng nhất đáo / Cảnh Hưng do quải cựu thời trung* -

Vọng Thiên Thai tự (Núi Thiên Thai tại phía Đông kinh thành/ Cách một con sông nhỏ mà dường như không có lối tới thăm/ Mùa thu, chùa cổ nấu mình trong lá vàng/ Nhà sư già triều trước thấp thoáng trong mây trắng/ Đáng thương thay cho thân ta bạc đầu rồi vẫn ở trong vòng bị sai khiến/ Chẳng giữ trọn lời thủy chung với núi xanh/ Nhớ lại năm trước đã từng đến đây/ Còn thấy treo quả chuông cổ thời Cảnh Hưng - *Ngắm chùa Thiên Thai* - Nguyễn Du) (Đăng Đức Siêu, 1997, tr.203).

Trong khi đó, tính chất ẩn nhẫn chờ thời ở hai tác giả là Phùng Khắc Khoan và Đào Duy Từ rõ rệt hơn rất nhiều. Phùng Khắc Khoan thì ẩn nhẫn khi bị thất sủng, Đào Duy Từ thì ẩn nhẫn khi chưa tìm được người trọng dụng. Với hoàn cảnh ấy, người bình thường dễ rơi vào tâm trạng trầm tư, u uất, chán nản, đau khổ. Nhưng với những nho sĩ này, đây lại chính là thời gian giúp họ chiêm nghiệm lại mình và thế đạo nhân tâm. Họ là những nhân cách có ý thức rất rõ rệt, sâu sắc về tài năng, khả năng của bản thân và họ tin một ngày nào đó họ sẽ được trọng dụng, và trên thực tế là đúng như vậy. Trong thời gian ẩn nhẫn này, họ đều đã có những sáng tác ca ngợi cuộc sống lâm tuyền: “*Non cao xem lấy làm nhà/ Sắt là vách cứng, ngọc là bình che/ Xung quanh nước chảy rò rề/ Khoang rộng uốn khúc tốt ghê hữu tình.../ Thanh nhàn vui mặc quản bao/ Chè thang thuốc dưỡng sống lâu đến già - Lâm tuyền văn*” - Phùng Khắc Khoan) (Bùi Duy Tân, 1997, tập 6, tr.810).

Đây cũng là lúc các nho sĩ thể hiện tâm hồn phóng khoáng, gần bó và yêu mến đối với phong cảnh tươi đẹp của quê hương. Đồng thời, họ đã tự ví mình với cổ nhân để ký thác cái chí khí hơn

người: “*Nam Dương có kẻ ẩn nho/ Khổng Minh là chủ, Trương phu khác loài/ Một mình vịn đu ba tài/ Phúc ta gấm ắt ý trời hậu vay/ Diêm lành thủy lạ đã hay/ Đời này sinh có tài này ắt nên - Ngọa Long cương văn*” - Đào Duy Từ (Bùi Duy Tân, 1997, tập 7, tr.45). Họ cần phải di dưỡng, bảo tồn được sự trong sáng của tư tưởng, tâm hồn trước thế tục: “*Thanh nhàn dưỡng tính hôm mai/ Ghềnh trong cuộc nguyệt, bãi ngoài cày mây... - Ngọa Long cương văn*” - Đào Duy Từ (Bùi Duy Tân, 1997, tập 7, tr.46).

Những tác giả nhàn tản suốt đời

Thông thường, đây là những nho sĩ hoặc là không có hứng thú gì đối với con đường hoạn lộ nên không hề tham gia khoa cử, sống điền viên sơn thủy đến suốt đời (tiêu biểu như Trần Sư Mạnh ở thế kỷ XV); hoặc có tham gia thi cử và đỗ đạt nhưng họ có lẽ là thức thời nên tìm đường bảo toàn tấm thân, nhất định từ chối bả phù hoa (tiêu biểu như Lý Tử Cấu ở thế kỷ XV); hoặc có tham gia thi nhưng không đỗ cao nên ban đầu thì chán nản, sau đó thì không có hứng thú với học thi nữa, tìm đường thoái lui (tiêu biểu như Ngô Thì Ước ở đầu thế kỷ XVIII)...

Trong thơ ca, nho sĩ thể hiện nỗi niềm cảm khái thời thế một cách kín đáo: “*Đồ họa nhất thu tân cảnh sắc/ Bình khai sổ bức cật sơn xuyên/ Thi hoài hạo đẳng ngâm nan tự/ Tràng đoạn cô vân lạc chiếu biên - Nam giao thu sắc*” (Như bức tranh mùa thu, cảnh sắc mới/ Như bình phong mở ra mấy bức núi sông xưa/ Lòng thơ man mác, ngâm khó nên vần/ Đứt ruột thấy bóng mây lẻ loi rơi theo bóng chiều - *Sắc mùa thu ở phía Nam ngoại thành* - Trần Sư Mạnh) (Trần Thị Băng Thanh, 2004, tr.290).

Tuy nhiên, một khi đã chọn lối sống nhàn tản suốt đời thì cảm khái này sẽ không nhiều và không rõ rệt bằng hình tượng một nho sĩ thức thời, không ham danh lợi, không sục sôi với khát vọng quan trường. Họ sáng tác những bài ca ca ngợi cuộc sống điền viên, nhàn tản chốn đồng quê, thể hiện sự hoà nhập với cuộc sống của người dân lao động: “*Nhưê Giang biên hữu tiêu dao tử/ Tân nhật tiêu dao vô cá sự/ An cư thực lực bất ngoại cầu/ Vô sự vô tư diệc vô lự... - Tiêu dao ngâm*” (Bên dòng Nhưê Giang có chàng tiêu dao/ Suốt ngày ngao du chẳng để ý đến việc gì/ Ở một cách im lặng, ăn theo sức lao động, không cầu cạnh gì ai cả/ Không bận bịu, không nghĩ ngợi cũng không lo lắng... - *Bài ngâm tiêu dao* - Ngô Thì Ước) (Bùi Duy Tân, 1997, tr.376).

Và họ thể hiện niềm tự hào về phẩm chất trong sạch, về cái giàu có của trắng gió, túi thơ bầu rượu: “*Bất lâm, bất thị, bất công hầu/ Bất học Tô Tần chỉ tề cầu/ Phong nguyệt trường cung thi xã hưởng/ Giang sơn chính tác tuý hương du... - Thuật chí*” (Chẳng ở nơi rừng núi, chẳng ở nơi đô hội chẳng có tước công, tước hầu gì/ Cũng chẳng bắt chước Tô Tần mà chỉ có manh áo cừu rách/ Trắng gió dồi dào, tha hồ cho nguồn thơ vùng vẫy/ Sông núi sẵn sàng, tha hồ cho khách rượu rong chơi... - *Thuật chí* - Lý Tử Cấu) (Trần Thị Băng Thanh, 2004, tr.261).

Nhà nho nhàn tản suốt đời với thơ ca mang khí vị ưu du, thích thẳng trở thành một kiểu mẫu cho vẻ đẹp nhân cách vượt lên trên thế tục, bàng quan với thời thế, coi khinh danh lợi, hẳn có ý nghĩa lớn đối với loại hình tác giả nhà nho ẩn dật đương thời. Sự xuất hiện của họ góp phần vào sự phong phú cho

mảng thơ ca điền viên sơn thủy của văn học Việt Nam trung đại.

* * *

Sự xuất hiện của loại hình tác giả nhàn tản cho thấy sự phong phú của các kiểu loại tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. Loại hình nhân cách và loại hình tác phẩm của họ có ảnh hưởng ít nhiều tới hầu như tất cả các loại hình tác giả khác đương thời, đặc biệt là loại hình tác giả nhà nho ẩn dật. Đồng thời, nếu như giữa các kiểu loại tác giả, ví như giữa tác giả thiển sư với tác giả nhà nho; giữa tác giả nhà nho hành đạo, ẩn dật và tài tử có một khoảng cách nào đó thì cảm hứng về cái nhàn lại là điểm gặp gỡ giữa họ. Loại hình tác giả nhàn tản là đội ngũ chủ lực của *dòng văn học nhàn tản* giàu giá trị nghệ thuật hình thành từ khoảng cuối thế kỷ XIII đến hết thế kỷ XIX trong văn học trung đại Việt Nam □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 1988), *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đặng Thị Hảo (2014), “Ba loại hình tác giả văn học thời Lý - Trần”, *Nghiên cứu văn học*, số 10.
3. Đỗ Thu Hiền (2006), “Sự chuyển đổi loại hình tác giả trong văn học Việt Nam thế kỷ XIV”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 3.
4. Đỗ Thu Hiền (2007), “Các loại hình tác giả trong văn học Việt Nam thời Lý Trần”, trong: Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIX - những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

5. Nguyễn Công Lý (2002), *Văn học Phật giáo Lý - Trần diện mạo và đặc điểm*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Đức Mậu (2014), “Mẫu hình nhà nho tài tử Nguyễn Công Trứ”, *Nghiên cứu văn học*, số 10.
7. Nhiều tác giả (1978), *Thơ văn Lý Trần*, tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Bùi Văn Nguyên (chủ biên, 1995), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Hữu Sơn (2013), “Nhận diện loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam”, *Nghiên cứu văn học*, số 10.
10. Đặng Đức Siêu (chủ biên, 1997), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 10B, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Bùi Duy Tân (chủ biên, 1997), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Kim Sơn, Trần Thị Mỹ Hòa (2007), “Một số phương diện thẩm mỹ của thơ Nho gia và Thiên gia (qua khảo sát một số trường hợp thơ viết về thiên nhiên)”, trong: Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIX - những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13. Lê Văn Tấn (2014), “Loại hình tác giả nhà nho ẩn dật trong văn học trung đại Việt Nam”, *Nghiên cứu văn học*, số 10.
14. Lê Văn Tấn (2013), *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Trần Thị Băng Thanh (chủ biên, 2006), *Hợp tuyển văn học Việt Nam*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Trần Thị Băng Thanh (chủ biên, 2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam, tập 4 - Văn học Việt Nam thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình học tác giả văn học - nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.